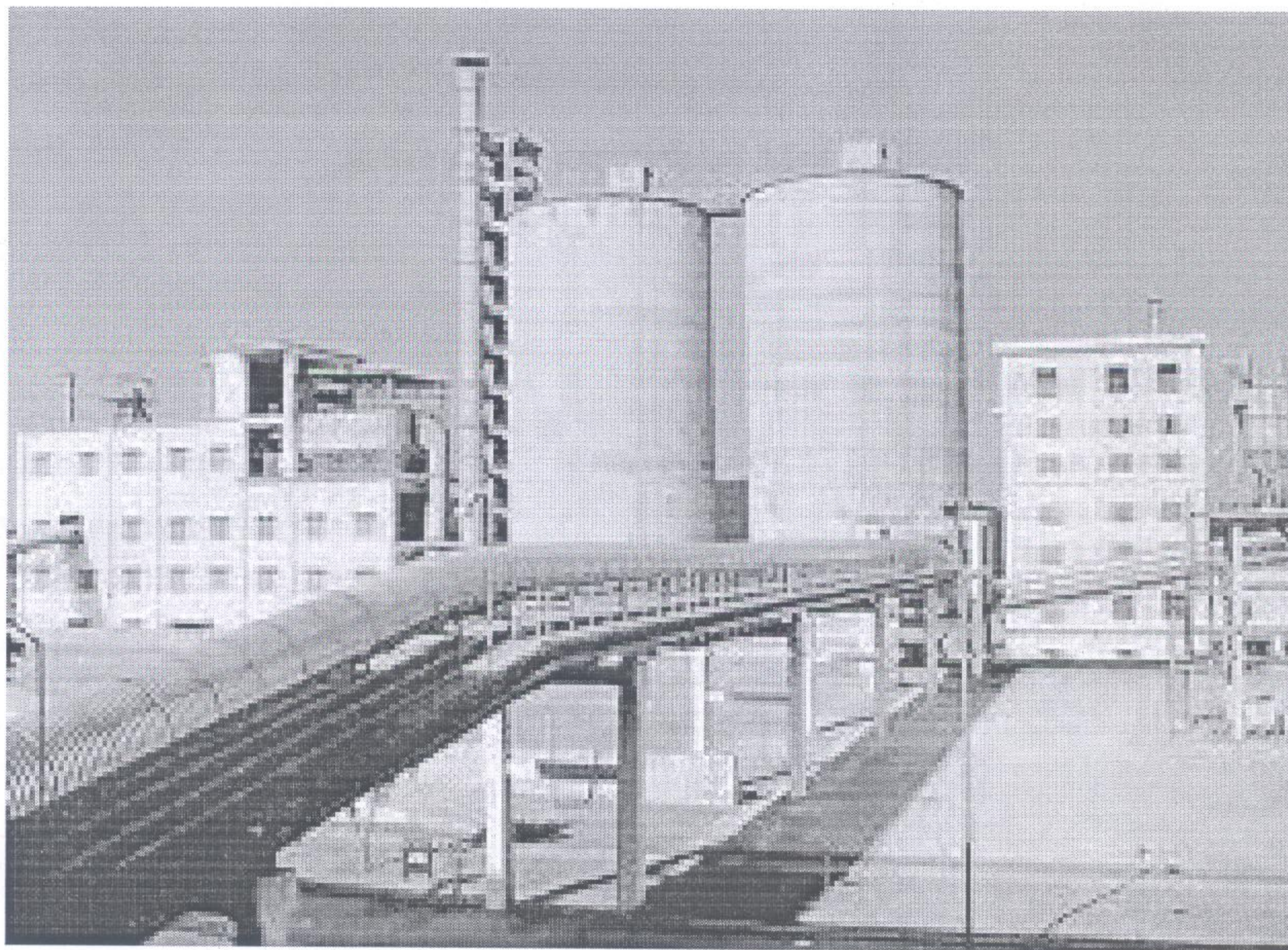


2013

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG YÊN BÌNH

*BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013*





## Mục Lục

<b>I. Thông tin chung.....</b>	<b>4</b>
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	7
4.1. Mô hình quản trị .....	7
4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	8
4.2. Các công ty con, công ty liên kết .....	9
5. Định hướng phát triển.....	9
6. Các rủi ro .....	11
6.1. Rủi ro về kinh tế .....	11
6.2. Rủi ro về luật pháp .....	12
6.3. Rủi ro Thị trường.....	13
6.4. Rủi ro khác .....	14
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm .....</b>	<b>14</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	14
2. Tổ chức và nhân sự.....	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	21
4. Tình hình tài chính .....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....</b>	<b>25</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
2. Tình hình tài chính .....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	26
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	26
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....</b>	<b>26</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty .....	26
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	26



<b>V. Quản trị công ty</b> .....	27
1. Hội đồng quản trị.....	27
2. Ban Kiểm soát .....	29
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	29
<b>VI. Báo cáo tài chính</b> .....	30
1. Ý kiến kiểm toán .....	30
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	30

10/10/2013



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 1603000026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 20/06/2003 và thay đổi lần thứ 5 số 5200213597 ngày 12/11/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp
- Vốn điều lệ: 256.000.000.000 VND (Hai trăm năm sáu tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 256.000.000.000 VND (Hai trăm năm sáu tỷ đồng chẵn)
- Địa chỉ: Tổ 5 – thị trấn Yên Bình – huyện Yên Bình – tỉnh Yên Bái - Việt Nam
- Số điện thoại: (84-4) 0293.886.301
- Số fax: (84-4) 0293.886.303
- Website: www.ximangyenbinh.com
- Mã cổ phiếu: VCX

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được thành lập ngày 01/7/2003 gồm 4 cổ đông sáng lập: Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX (chiếm 55% vốn điều lệ), Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - LICOGI (chiếm 15% vốn điều lệ), Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (chiếm 15% vốn điều lệ), Nhà máy Xi măng Yên Bái (chiếm 15% vốn điều lệ).

Nhà máy xi măng Yên Bình với công suất 910.000 tấn xi măng/năm được CTCP Xi măng Yên Bình đầu tư xây dựng tại km 10, quốc lộ 70, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 01/10/2008, nhà máy chính thức đi vào hoạt động, chuyển sang sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa hoàn thiện dây chuyền công nghệ lại gặp phải hàng loạt khó khăn. Chi phí đầu vào biến động lớn theo chiều hướng tăng trong khi giá bán xi măng trên thị trường không thay đổi tương ứng. Mặt khác, do nhà máy xây dựng tại địa bàn miền núi nên việc vận chuyển có chi phí lớn hơn nhiều so với vận chuyển ở miền xuôi. Sức ép trả nợ các tổ chức cho vay vốn là rất lớn, đặc biệt trong những năm đầu tiên.

Khó khăn là vậy, Xi măng Yên Bình vẫn cạnh tranh được với các sản phẩm của các nhà máy sản xuất khác, đó là chất lượng sản phẩm cũng luôn được Xi măng Yên Bình coi trọng, đưa lên hàng đầu, để làm được điều đó, Nhà máy Xi măng Yên Bình đã đầu tư công nghệ và thiết bị tiên tiến, xi măng sản xuất theo phương pháp khô với hệ thống lò quay có tháp trao đổi nhiệt gồm một nhánh 5 tầng xyclon có buồng phân huỷ. Nhà máy có công nghệ sản xuất và trang thiết bị tiên



tiến với mức độ tự động hoá cao đảm bảo sản xuất ổn định, đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt mang lại hiệu quả kinh tế và kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, chất lượng Xi măng Yên Bình tốt là do nguồn đá vôi có hàm lượng  $\text{CaCO}_3$  cao (trung bình đạt 54,15%), chất lượng tốt, nguyên liệu phục vụ cho nhà máy gồm: Mỏ đá vôi tại Mông Sơn có trữ lượng lớn; mỏ đất sét tại xã Hợp Minh và Giới Phiên, thành phố Yên Bái có trữ lượng 10 triệu tấn. Nguồn nguyên liệu đảm bảo cho Xi măng Yên Bình hoạt động lâu dài và sản xuất được nhiều chủng loại xi măng mác cao có chất lượng ổn định.

Đầu tháng 10 năm 2012 Nhà máy đã đưa ra sản phẩm mới PCB 30. Hướng đi của những người lãnh đạo Xi măng Yên Bình đã đúng khi mà sản phẩm mới ra thị trường tiêu thụ rất tốt. Nhờ mạng lưới phân phối, tiêu thụ tốt, Xi măng Yên Bình hiện nay đã có mặt trên các công trình trọng điểm đặc biệt là khu vực phía Bắc. Xi măng Yên Bình được đưa lên các thủy điện lớn nhỏ trong cả nước như Thủy điện Huội Quảng (Sơn La), Thủy điện Ngòi Hút cùng các thủy điện khác trên Lào Cai và tại các công trình lớn như đường Láng - Hòa Lạc, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, Cầu Vĩnh Tuy...

Ngày 13/08/2010, Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được UBCKNN công nhận là công ty đại chúng.

Ngày 18/12/2013, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 29/2013/GCNCP-VSD cho cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Yên Bình với mã chứng khoán VCX.

Ngày 21/01/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành quyết định số 24/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Yên Bình tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



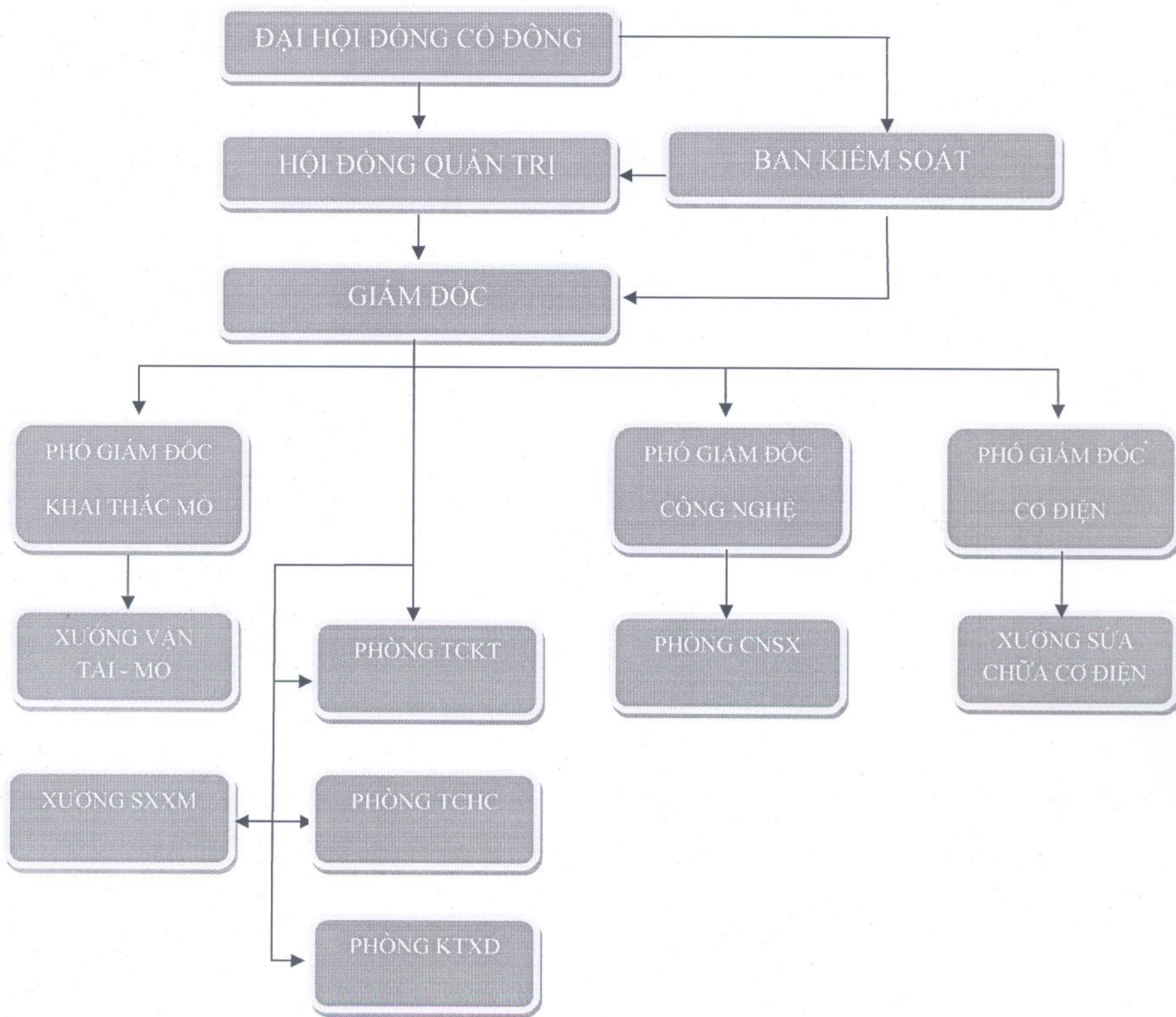
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
  - Sản xuất xi măng;
  - Khai thác cát, đá, sỏi;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng;
  - Xây dựng công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, hạ tầng cơ sở;
  - Kinh doanh thiết bị xây dựng, thiết bị khai thác mỏ;
  - Kinh doanh phế liệu;
  - Kinh doanh khoáng sản: đá vôi, đất sét, đá đen, cát silic;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác;
  - Cho thuê nhà ở.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY





#### 4.1 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng Yên Bình được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản, thông tư liên quan hướng dẫn Luật doanh nghiệp;

- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;

- Điều lệ Công ty cổ phần xi măng Yên Bình đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 28/03/2013.

##### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty cổ phần xi măng Yên Bình quy định.

##### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

##### **Danh sách thành viên HĐQT:**

Ông Mai Thế Loan	- Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hòa	- Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Cương	- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	- Thành viên HĐQT
Ông Mai Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT

##### **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát có tối thiểu 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm kỳ như nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

##### **Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**



Bà Nguyễn Thái Hà	- Trưởng Ban kiểm soát
Ông Vũ Văn Mạnh	- Thành viên Ban kiểm soát
Ông My Duy Bình	- Thành viên Ban kiểm soát

**Ban Giám đốc:**

Là bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.

Thành phần Ban giám đốc (BGĐ) gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc.

Giám đốc có nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Danh sách thành viên Ban giám đốc:**

Ông Nguyễn Văn Cương	- Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	- Phó Giám đốc
Ông Lò Mạnh Cường	- Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lan	- Phó Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giúp Giám đốc Công ty quản lý, điều hành hoạt động kế toán, tài chính của Công ty; Tham mưu cho Giám đốc Công ty về các Phương án tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán tài chính tại Công ty.

**Kế toán trưởng:**

Ông Nguyễn Đức Cường	- Kế toán trưởng
----------------------	------------------

**4.2 Các công ty con, công ty liên kết**

**Công ty cổ phần Đá trắng Vinaconex:** Công ty sở hữu 15,38% vốn Điều lệ.

- + Công ty cổ phần Đá trắng Vinaconex được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 5200277488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.
- + Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- + Vốn Điều lệ: 65.000.000.000 đồng
- + Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến bột đá Cacbonat canxi;



## 5. Định hướng phát triển

### ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Từ năm 2014 hàng năm sản xuất đạt 100% công suất thiết kế và kinh doanh có lãi cụ thể:
  - Clinker sản xuất : 750.000 tấn/năm.
  - Sản xuất xi măng: hết lượng clinker sản xuất hàng năm (sau khi cân đối giữa tình hình tiêu thụ xi măng và clinker bán).
    - Doanh thu hàng năm > 700 tỷ đồng.
    - Trả đủ gốc và lãi.
    - Nộp NSNN theo quy định.
    - Khấu hao đạt 100%.
    - Lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

### ❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Về trung hạn: Đa dạng hoá sản phẩm bằng cách nghiên cứu đưa thêm các loại sản phẩm mới ra thị trường.
- Về dài hạn: Mở rộng sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng của khu vực.

### ❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên vật liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường, tiếp tục sản xuất ổn định nhằm tạo công việc làm cho người lao động trên địa bàn.



## 6. Các rủi ro

### 6.1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như, tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, và chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô chính cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Tỷ lệ lạm phát và lãi suất tăng cao cùng với sự biến động lớn của tỷ giá trong thời gian vừa qua đã ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của các doanh nghiệp.

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng phát triển trong tương lai có ảnh hưởng trực tiếp đến thành công và chiến lược hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Xi măng Yên Bình nói riêng. Khi nền kinh tế đang ở giai đoạn phát triển tốc độ phát triển kinh tế đang tăng tạo cơ hội thu hút đầu tư cho các ngành sản xuất kinh doanh đầu tư mở rộng sản xuất cả về chiều sâu và chiều rộng. Ngược lại khi nền kinh tế suy thoái sẽ gây ra hiện tượng thoái lui đầu tư, các dự án đầu tư ít đi do đó cơ hội mở rộng và phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp bị giảm đi rất nhiều.

Về phía công ty trong năm 2013 trong bối cảnh thị trường bất động sản đang đóng băng các dự án xây dựng bị ngưng trệ. Đồng thời các biện pháp kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã làm trì hoãn một số công trình lớn từ đó làm giảm nhu cầu về xi măng, giảm thị trường tiêu thụ có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của công ty.

Qua phân tích cho thấy môi trường kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến đến tốc độ phát triển của ngành xi măng. Khi nền kinh tế phát triển nhanh ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án đầu tư, đẩy mạnh xây dựng cơ bản tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng Yên Bình nói riêng. Vì vậy trong thời gian tới công ty luôn xác định hướng phát triển của nền kinh tế để có những điều chỉnh phù hợp nhằm hạn chế những tác động do biến động kinh tế mang lại và tận dụng được những cơ hội phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

#### ❖ Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần xi măng Yên Bình theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.



#### ❖ Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Ngoài ra, khi doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch tại thị trường chứng khoán tập trung hoặc niêm yết, rủi ro lãi suất có thể làm dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút, cổ phiếu của doanh nghiệp mất thanh khoản, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp.

Năm 2013, lãi suất cho vay đã giảm xuống tuy nhiên mức giảm xuống là không nhiều; vẫn chưa đáp ứng được như mức kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

Để hạn chế bớt rủi ro này, Công ty luôn chủ động về nguồn vốn và có cơ chế điều tiết vốn hợp lý, tránh ứ đọng, giảm chi phí vốn tới mức thấp nhất.

#### ❖ Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Đối với những công ty thường xuyên có giao dịch và nắm giữ các trạng thái ngoại tệ thì những biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro về tỷ giá, Công ty cổ phần xi măng Yên Bình thường xuyên phân tích, đánh giá và lường trước sự biến động cũng như những tác động của rủi ro này để giảm thiểu sức ép lên hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 6.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp lý là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty. Do hệ thống pháp luật của Việt Nam còn đang trong quá trình hoàn thiện, việc sửa đổi và bổ sung dẫn đến sự thay đổi liên tục các văn bản pháp luật là điều khó tránh khỏi. Bên cạnh các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng tới hoạt động của công ty, Công ty còn chịu sự quản lý của Tổng công ty, các hiệp hội. Vì vậy, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty

Hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Yên Bình chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, ... và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động của kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, là một công ty đại chúng quy mô lớn và đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, Công ty cổ phần xi măng Yên Bình còn có nghĩa vụ tuân theo Luật chứng khoán và các văn bản liên quan trong lĩnh vực này. Do vậy, Công ty cần



phải xem xét các rủi ro liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa các bộ luật trong điều kiện hệ thống luật pháp của nước ta đang trong quá trình hoàn thiện, luôn có sự bổ sung và sửa đổi. Để phòng và tránh rủi ro này, Công ty thường xuyên phân công cán bộ theo dõi sát sao và cập nhật các quy định pháp luật mới có liên quan đến ngành nghề, thị trường của mình nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thực hiện đúng theo pháp luật và dự báo khả năng phải thay đổi để đáp ứng với các yêu cầu mới

### **6.3. Rủi ro Thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro khi sự biến động của giá xi măng làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đặc thù của ngành xi măng là nhạy cảm với sự phát triển của nền kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, ngành xây dựng làm ăn phát đạt tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp xi măng. Ngược lại, khi kinh tế suy thoái, các công trình xây dựng giãn tiến độ thi công, sản lượng tiêu thụ xi măng sẽ giảm, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty nói riêng và ngành xi măng nói chung.

Sự xuất hiện nhiều dự án sản xuất xi măng mới của nhiều thành phần kinh tế và liên doanh khiến thị trường tiêu thụ xi măng ngày càng trở nên cạnh tranh. Do xi măng là sản phẩm đồng thể, ko chênh lệch nhau nhiều nên dễ bị thay thế, sự co giãn của cầu theo giá cũng không đáng kể. Vì vậy, Công ty cần chú trọng chiến lược quảng cáo và khuyến mãi để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng cần theo dõi sát sao diễn biến của ngành xây dựng và biến động của các ngành vật liệu xây dựng khác nhằm ứng phó kịp thời và có chiến lược giảm thiểu rủi ro kinh doanh.

#### **❖ Rủi ro chi phí nguyên, nhiên vật liệu sản xuất**

Rủi ro chi phí nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất là rủi ro khi sự biến động giá cả và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài hai nguồn nguyên liệu chính là đá vôi và đất sét mà Công ty tự khai thác, Công ty còn phải nhập nhiều nguyên liệu đầu vào quan trọng khác như than, dầu, thạch cao, điện, ... giá cả các nguồn nguyên liệu này thường biến động bất thường.

Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu. Mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây



dụng kênh cung cấp nguyên vật liệu ổn định, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất.

#### 6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên.

Tóm lại, với những đặc thù trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã có những biện pháp để quản lý các rủi ro, chủ động thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### ❖ Kết quả đạt được

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Ghi chú
1. Sản lượng sản xuất					
- Xi măng	Tấn	800.800	604.077	75 %	Đáp ứng tiêu thụ
- Clinker	Tấn	675.000	645.393	96%	
2. Sản lượng tiêu thụ					
- Xi măng, Clinker	Tấn	834.760	767.809	92%	
3. Doanh thu trước thuế	Tỷ đồng	718,7	629,35	88%	
4. Lợi nhuận	Tr đồng	219	394	180%	
5. Khấu hao	Tỷ đồng	53,9	51,7	96%	
6. Trả nợ gốc vay đầu tư	Tỷ đồng	48,3	20,60	43%	Đã được cơ cấu lại



7. Trả nợ lãi vay đầu tư	Tỷ đồng	48,3	48,3	100%	
8. Nộp NSNN	Tỷ đồng	19	20,8	109%	
9. Thu nhập bình quân	Tr. đồng	5,3	5,7	107%	

## 2. Tổ chức và nhân sự

### ❖ Danh sách Ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Cương	- Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	- Phó Giám đốc
Ông Lò Mạnh Cường	- Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lan	- Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cường	- Kế toán trưởng

### ❖ Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành:

#### NGUYỄN VĂN CƯƠNG – Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Văn Cương

Số CMND : 011513240 Ngày cấp 05/12/2006 Nơi cấp CA TP Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/7/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Tập thể Viện KTCGQS, tổ 28, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 11/1996 đến 12/1997	Cán bộ Tổ chức hành chính – Liên doanh VINATA.



Từ 01/1998 đến 09/1998	:	Cán bộ Ban chuẩn bị Đầu tư xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc Gia - Bộ Xây dựng.
Từ 10/1998 đến 06/2003	:	Cán bộ liên doanh VIKOWA, Cán bộ Ban Quản lý đầu tư xây dựng Dự án xi măng Cẩm Phả - Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
Từ 07/2003 đến 02/2007	:	Trưởng phòng Tổ chức hành chính công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 03/2007 đến 3/2011	:	Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 04/2011 đến nay	:	Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 06/2009 đến nay	:	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 05/2011 đến nay	:	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đá trắng Vinaconex

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Ủy viên Hội đồng quản trị – Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đá trắng Vinaconex.
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 25.360 cổ phần – chiếm 0,1% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần
- Trong đó*
- Họ tên người có liên quan*
- Quan hệ*
- Số cổ phần nắm giữ*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

#### PHẠM NGỌC LAN – Phó Giám đốc

Họ và tên	:	<b>Phạm Ngọc Lan</b>
Số CMND	:	060814518 Ngày cấp: 04/07/2005 Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	19/12/1958
Quốc tịch	:	Việt Nam



Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Xã Yên Mạc – huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 5 - thị trấn Yên Bình - huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp  
 Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 08/1979 đến 07/1988	: Cán bộ Văn phòng - Sở Xây dựng Nghĩa Bình.
Từ 08/1988 đến 09/1990	: Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty xây dựng số 9 – TCT Vinaconex
Từ 10/1990 đến 03/1995	: Đội trưởng, chỉ huy trưởng công trình – xí nghiệp 908 – Công ty xây dựng số 9 - TCT Vinaconex.
Từ 04/1995 đến 11/2001	: Chỉ huy trưởng công trình, Phó giám đốc xí nghiệp 919 - Công ty xây dựng số 9 - TCT Vinaconex.
Từ 12/2001 đến 02/2005	: Phó Giám đốc, Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty bê tông và xây dựng Vinaconex Đồng Tháp.
Từ 03/2005 đến 04/2006	: Trưởng phòng Xây dựng cơ bản - Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 05/2006 đến 07/2009	: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 08/2009 đến 07/2010	: Giám đốc Công ty cổ phần đá trắng Yên Bình
Từ 08/2010 đến nay	: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Yên Bình

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty  
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :  
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 10.000 cổ phần – chiếm 0,04% vốn điều lệ  
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần  
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không có  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có



Họ và tên : NGUYỄN QUANG HUY  
 Số CMND : 060643066 Ngày cấp 21/1/1998 Nơi cấp CA tỉnh Yên Bái  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 18/09/1981  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Xã Chuế Lưu - Huyện Hạ Hoà - Tỉnh Phú Thọ  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 6 Phường Minh Tân – Thành phố Yên Bái  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Tự động hoá

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 8/2004 đến 6/2005	: Kỹ sư phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Yamaha Việt Nam
Từ 6/2005 đến 2/2006	: Kỹ sư phòng Thiết bị Công ty TNHH Canon Việt Nam
Từ 3/2006 đến 11/2008	: Kỹ sư phòng Cơ điện Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 11/2008 đến 10/2010	: Phó quản đốc xưởng Điện – TĐH Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 10/2010 đến 5/2012	: Trưởng phòng Cơ điện Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 5/2012 đến nay.	: Phó giám đốc phụ trách Cơ điện Công ty cổ phần xi măng Yên Bình

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện  
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không  
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 5.180 cổ phần – chiếm 0,02% vốn điều lệ  
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần

*Trong đó*

*Họ tên người có liên quan*

*Quan hệ*

*Số cổ phần nắm giữ*

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không



Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### LÒ MẠNH CƯỜNG – Phó giám đốc

Họ và tên : Lò Mạnh Cường  
 Số CMND : 060582102 Ngày cấp 20/12/1994 Nơi cấp CA tỉnh Yên Bái  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 22/5 /1979  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Tày  
 Quê quán : Xã Thượng Bằng La - Huyện Văn Chấn - Tỉnh Yên Bái  
 Địa chỉ thường trú : Tổ 20, phường Đồng Tâm, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Silicat

#### Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 08/2002 đến 09/2006	: Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn
Từ 10/2006 đến 10/2007	: Nhân viên Phòng Cơ điện - Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 11/2007 đến 04/2008	: Phó phòng Điều hành trung tâm - Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 05/2008 đến 06/2011	: Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất - Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 07/2011 đến 04/2012	: Trợ lý Giám đốc, Phó phòng Công nghệ sản xuất - Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 05/2012 đến nay	: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Yên Bình

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần



*Trong đó*

*Họ tên người có liên quan*

*Quan hệ*

*Số cổ phần nắm giữ*

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

**Kế toán trưởng công ty:**

**NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG – Kế toán trưởng:**

Họ và tên : Nguyễn Đức Cường  
 Số CMND : 125549115 ngày cấp 14/12/2009 nơi cấp CA tỉnh Bắc Ninh.  
 Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 15/04/1978  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú : Xã Hoàn Sơn – Huyện Tiên Du – Bắc Ninh  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 05/2003 đến 05/2008	: Chuyên viên kiểm tra - Công ty Kinh doanh nước sạch Hà Nội
Từ 06/2008 đến 12/2009	: Phụ trách kế toán, Chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu Bắc Giang tại Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 05/2010 đến 06/2011	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn
Từ 07/2011 đến 09/2011	: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
Từ 10/2011 đến 08/2012	: Phụ trách kế toán Công ty cổ phần xi măng Yên Bình



Từ 09/2012 đến nay	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Yên Bình
--------------------	---	---

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	không

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-HĐQT, ngày 26/4/2013 về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Ngọc Thanh, kể từ ngày 26/4/2013.

❖ **Số lượng cán bộ công nhân viên.**

- Số lượng CBCNV : 420 lao động.
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
  - Hàng năm, người lao động được công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát thuốc phòng bệnh, bảo hộ lao động,...
  - Công ty luôn đảm bảo và tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế phân phối tiền lương và thu nhập, quy chế thi đua khen thưởng...
  - Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng Luật lao động và Hợp đồng lao động đã ký.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Công ty không phát sinh và triển khai các hạng mục đầu tư lớn.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: (Đã nêu ở trên).



**4. Tình hình tài chính**

## a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tăng giảm 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	1.002.714.408.629	975.120.271.365	-2,75%
2	Doanh thu thuần	488.085.010.359	629.353.768.404	28,94%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(77.421.296.691)	519.392.513	100,67%
4	Lợi nhuận khác	2.182.992.073	(125.566.081)	-105,75%
5	Lợi nhuận trước thuế	(75.238.304.618)	393.826.432	100,52%
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	(75.238.304.618)	393.826.432	<b>100,52%</b>
	Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-
	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	-	-	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		-	-

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,19	0,28	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,13	0,19	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				



+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,95	0,95	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	17,74	17,45	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,67	13,98	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,64	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(15,41)	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(140,58)	0,75	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(7,50)	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(15)	0,08	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.600.000 cổ phần

Toàn bộ cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

### b) Cơ cấu cổ đông:

- *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2013*



STT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)	0100105616	Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	6.656.000	26,00%
2	Công ty CP Kinh doanh xi măng Miền Bắc	0103015549	Nhà E9, tầng 1, toà nhà VIMECO, đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội	11.021.716	43,05%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>17.677.716</b>	<b>69,05%</b>

• *Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2013*

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông Tổ chức</b>	<b>6</b>	<b>19.548.180</b>	<b>76,36%</b>
1	Trong nước	6	19.548.180	76,36%
2	Nước ngoài	0	0	0
<b>II</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>792</b>	<b>6.051.820</b>	<b>23,64%</b>
1	Trong nước	790	6.031.620	23,56%
2	Nước ngoài	2	20.200	0,08%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>798</b>	<b>25.600.000</b>	<b>100,00%</b>

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi trong năm 2013



- d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**  
 Công ty không có cổ phiếu quỹ

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- ❖ Kết quả sản xuất kinh doanh (đã nêu ở phần trên).
- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 tiếp tục là năm khó khăn đối ngành sản xuất xi măng. Thị trường bất động sản đóng băng và nền kinh tế chưa hồi phục dẫn đến lượng tiêu thụ giảm, khả năng thu hồi vốn chậm cộng với chính sách thắt chặt tín dụng đã làm các doanh nghiệp sản xuất xi măng vừa chịu sức ép hàng tồn kho cao, đồng thời phải chịu thêm áp lực về thiếu hụt nguồn vốn vay. Bên cạnh đó, các chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều giữ ở mức cao, đặc biệt là giá than, điện đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất, trong khi đó giá xi măng không thể tăng tương ứng do tình trạng dư thừa xi măng. Nhà máy sau 5 năm đi vào hoạt động đã bắt đầu xuống cấp làm chi phí sửa chữa lớn tăng cao. Những yếu tố khách quan nêu trên là những nguyên nhân ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 2. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	Đầu năm 2013	Cuối năm 2013	Thay đổi	%
1	Tổng tài sản	1.002,7 tỷ	975,1 tỷ	-27,6 tỷ	-2,75%
2	Tài sản ngắn hạn	101,3 tỷ	142 tỷ	40,7 tỷ	40,18%
3	Tài sản dài hạn	901,4 tỷ	833,1 tỷ	-68,3 tỷ	-7,58%

Tài sản của công ty chủ yếu là tài sản dài hạn: nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.... Trong năm 2013, Tổng tài sản giảm 27,6 tỷ tương ứng với -2,75%. Nguyên nhân là do tài sản dài hạn bị giảm sau khi Công ty tiến hành quản lý tài sản cố định theo hướng dẫn của thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 25/04/2013.

- b) Tình hình nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2013 so với cùng kỳ năm 2012 giảm 26,9 tỷ đồng, trong đó nợ dài hạn tăng 4,1 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 31 tỷ đồng. Để cân đối ổn định sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng phương án cơ cấu lại các khoản vay dài hạn trình các Tổ chức tín dụng xem xét



chấp thuận. Điều này góp phần giảm áp lực tài chính cho Công ty.

- Năm 2013, lãi suất cho vay đã giảm so với năm 2012, chênh lệch tỷ giá ít biến động, điều này góp phần giảm lỗ cho Công ty, cụ thể chi phí tài chính phát sinh năm 2013 là 86,1 tỷ đồng, giảm 7,5 tỷ đồng so với năm 2012 (93,6 tỷ đồng).

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2013, công ty đã kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, bố trí lại một số nhân sự ở các phòng ban phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Đảm bảo sản xuất ổn định, cung cấp ra thị trường các chủng loại xi măng đạt chất lượng đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng.

Tiết giảm chi phí sản xuất và các chi phí quản lý xuống mức tối thiểu để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Rà soát, kiểm tra và đánh giá lại toàn bộ các định mức tiêu hao. Áp dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến để giảm tiêu hao và giá thành sản phẩm. Tăng cường quản lý chặt chẽ các định mức tiêu hao và nâng cao năng suất thiết bị bằng các hình thức khoán cho người lao động.

Sản xuất kinh doanh có hiệu quả có lợi nhuận và cổ tức.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Tuy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, nhưng HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong năm qua.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

#### **❖ Những việc đã làm được:**

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.



❖ **Những hạn chế cần khắc phục:**

- Cần làm tốt hơn công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Việc hướng dẫn quán triệt thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quy chế nội bộ chưa sâu, rộng nên một số cá nhân trong đội ngũ cán bộ quản lý chưa nghiêm túc thực hiện.

Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2013 được HĐQT giao.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014, được dự báo là năm tiếp tục còn có nhiều khó khăn. Bên cạnh đó Công ty có những thuận lợi cơ bản như Thương hiệu Xi măng VINACONEX Yên Bình có uy tín trên thị trường; đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nhân lao động có tinh thần trách nhiệm cao và có tinh thần đoàn kết, gắn bó trong công việc.

Với những thuận lợi và khó khăn như trên Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 như:

- Chỉ đạo sát sao hơn nữa đối với hoạt động SXKD của công ty.
- Tiếp tục giám sát, tăng cường trong khâu tiêu thụ sản phẩm nhằm cân bằng giữa sản lượng sản xuất ra và tiêu thụ sản phẩm.
- Nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Duy trì Nhà máy hoạt động ổn định đạt năng suất theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Cân đối giữa nguồn thu và chi để đáp ứng đủ nhu cầu vốn phục vụ sản xuất.
- Cân đối và chủ động trả nợ theo tiến độ đã cam kết với các tổ chức tín dụng cho vay vốn đầu tư xây dựng nhà máy.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ	Ghi chú
1	Mai Thế Loan	Chủ tịch HĐQT	0		
2	Nguyễn Văn Cương	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty	25.360	0,01	
3	Nguyễn Quốc Hoà	Ủy viên HĐQT	0		



4	Mai Thanh Hải	Ủy viên HĐQT, TP KTXD	0		
5	Mai Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	0		

❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Không có

❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận đề đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc. Chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2013 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Thống nhất kế hoạch, thời gian tổ chức, nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Trần Ngọc Thanh.
- Thống nhất phương án tiếp tục vay vốn lưu động phục vụ sản xuất tại Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (VVF). Thông qua phương án tiếp tục thế chấp tài sản đảm bảo tại VVF để vay vốn lưu động.
- Thông qua các nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản gồm:

1. Chủ trương cơ cấu lại nợ vay đầu tư theo hướng kéo dài thời gian trả nợ. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty phê duyệt Phương án cơ cấu nợ vay cụ thể đối với từng khoản vay.

2. Chủ trương vay bổ sung nguồn vốn trung hạn hoặc vay thêm vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ SXKD cũng như bù đắp phần mất cân đối hiện tại. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty phê duyệt hạn mức và các điều khoản của Hợp đồng tín dụng.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty xem xét, quyết định nguồn vốn trả nợ vay đầu tư từ khấu hao TSCĐ, lợi nhuận sau thuế và các nguồn khác.

- Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2013 của Công ty.
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2013.
- Quyết định các nguồn trả nợ vay đầu tư.
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3 và kế hoạch quý 4 năm 2013.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.



- ❖ Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- ❖ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- ❖ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Không có

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thái Hà	Trưởng ban	0		
2	Vũ Văn Mạnh	Thành viên	0		
3	My Duy Bình	Thành viên	0		

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.



### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Năm 2013, do kế hoạch sản xuất kinh doanh chưa đạt kế hoạch, nên không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu ở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn Cương	Cổ đông nội bộ (Giám đốc)	15.360	0,06	25.360	0,10	Mua

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xi măng Yên Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2013 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2013 được đính kèm báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC.



Nguyễn Văn Cương





## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG YÊN BÌNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

đã được kiểm toán

A member of  International



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>02-03</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>04-05</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>06-28</b>
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

S.D.N. 0...

H. H. S.B.K. 11/11



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000026 ngày 20/06/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 5200213597 ngày 12/11/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Mai Thế Loan	Chủ tịch	
Ông: Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2013
Ông: Nguyễn Quốc Hoà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2013
Ông: Nguyễn Văn Cương	Ủy viên	
Ông: Mai Thanh Hải	Ủy viên	
Ông: Mai Anh Tuấn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Cương	Giám đốc	
Ông: Phạm Ngọc Lan	Phó Giám đốc	
Ông: Trần Ngọc Thanh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2013
Ông: Lò Mạnh Cường	Phó Giám đốc	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Trần Đăng Lợi	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 28/03/2013
Bà: Nguyễn Thái Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/03/2013
Ông: My Duy Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/03/2013
Ông: Hoàng Văn Nguyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2013
Ông: Vũ Văn Mạnh	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.



## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Cương

Giám đốc  
Yên Bái, ngày 06 tháng 03 năm 2014



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được lập ngày 06 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:



- Như Ban Giám đốc đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 33, Báo cáo tài chính của Công ty đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

---

**Nguyễn Quang Huy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1126-2013-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>141.985.643.209</b>	<b>101.295.813.953</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>4.478.740.579</b>	<b>527.918.972</b>
111	1. Tiền		4.478.740.579	527.918.972
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>44.651.825</b>	<b>2.700.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		44.651.825	2.700.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>91.596.382.065</b>	<b>65.533.848.851</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		79.299.229.180	57.355.503.470
132	2. Trả trước cho người bán		10.211.938.301	6.649.483.352
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.085.214.584	1.528.862.029
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>44.321.762.359</b>	<b>31.733.087.640</b>
141	1. Hàng tồn kho		44.321.762.359	31.733.087.640
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.544.106.381</b>	<b>800.958.490</b>
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.544.106.381	800.958.490
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>833.134.628.156</b>	<b>901.418.594.676</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>781.272.938.950</b>	<b>831.687.807.827</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	773.283.152.928	820.924.228.258
222	- Nguyên giá		1.109.807.372.036	1.106.307.609.873
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(336.524.219.108)	(285.383.381.615)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	5.679.780.469	6.015.310.545
228	- Nguyên giá		7.161.937.763	7.161.937.763
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.482.157.294)	(1.146.627.218)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.310.005.553	4.748.269.024
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>3.871.001.477</b>	<b>4.171.966.462</b>
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	10.000.000.000	10.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12	(6.128.998.523)	(5.828.033.538)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>47.990.687.729</b>	<b>65.558.820.387</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	47.990.687.729	65.558.820.387
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>975.120.271.365</b>	<b>1.002.714.408.629</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>922.261.491.064</b>	<b>949.195.263.760</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>511.043.295.028</b>	<b>542.043.458.073</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	340.742.395.047	365.777.679.634
312	2. Phải trả cho người bán		137.159.618.284	120.608.720.524
313	3. Người mua trả tiền trước		13.478.150	13.478.150
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10.749.294.061	6.600.443.018
315	5. Phải trả người lao động		7.268.554.680	6.905.781.588
316	6. Chi phí phải trả	16	9.057.071.696	27.478.707.525
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	6.052.883.110	14.658.647.634
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>411.218.196.036</b>	<b>407.151.805.687</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	411.218.196.036	407.151.805.687
400	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>52.858.780.301</b>	<b>53.519.144.869</b>
410	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>52.858.780.301</b>	<b>53.519.144.869</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		256.000.000.000	256.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(203.141.219.699)	(202.480.855.131)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>975.120.271.365</b>	<b>1.002.714.408.629</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT

	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		23.187.287.818	
5. Ngoại tệ các loại USD		13.254,75	13.247,02

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Cường

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Cường



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013


Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	629.892.154.495	488.085.010.359		
02	2. Các khoản giảm trừ	21	538.386.091	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	629.353.768.404	488.085.010.359		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	531.708.560.283	462.564.886.123		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.645.208.121	25.520.124.236		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.229.760.769	1.008.103.017		
22	7. Chi phí tài chính	25	86.176.522.348	93.586.178.352		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		68.231.579.509	82.974.667.881		
24	8. Chi phí bán hàng		646.709.555	597.590.037		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.532.344.474	9.765.755.555		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		519.392.513	(77.421.296.691)		
31	11. Thu nhập khác	26	1.182.032.191	2.412.454.517		
32	12. Chi phí khác	27	1.307.598.272	229.462.444		
40	13. Lợi nhuận khác		(125.566.081)	2.182.992.073		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		393.826.432	(75.238.304.618)		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>393.826.432</u>	<u>(75.238.304.618)</u>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	15	(2.939)		


Người lập

Kế toán trưởng

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Giám đốc

  
Nguyễn Thị Lý

  
Nguyễn Đức Cường



Nguyễn Văn Cương




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)

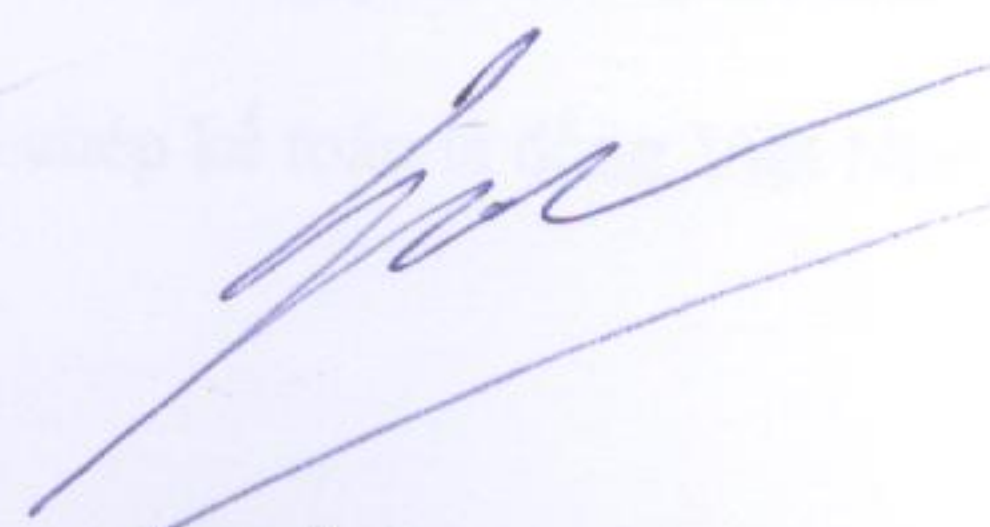
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		393.826.432	(75.238.304.618)
	2. Điều chỉnh các khoản		130.767.185.056	143.785.582.744
02	- Khấu hao TSCĐ		51.689.585.370	53.252.493.399
03	- Các khoản dự phòng		300.964.985	2.566.524.481
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		10.881.088.480	5.436.499.880
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(336.033.288)	(444.602.897)
06	- Chi phí lãi vay		68.231.579.509	82.974.667.881
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.161.011.488	68.547.278.126
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(27.127.413.492)	23.251.843.205
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.588.674.719)	23.041.406.380
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.935.034.839	20.786.157.272
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.793.316.697	(12.208.889.101)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(69.540.742.104)	(70.684.135.348)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.857.479.069	2.114.504.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.058.091.000)	(144.309.494)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		43.431.920.778	54.703.855.040
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(952.862.231)	(9.940.078.938)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(36.102.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.655.348.175	38.100.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.300.901	444.602.897
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.716.786.845	(7.497.476.041)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		334.166.064.585	338.793.554.539
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(375.367.530.955)	(386.925.255.826)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(41.201.466.370)	(48.131.701.287)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.947.241.253	(925.322.288)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		527.918.972	1.450.216.559
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		3.580.354	3.024.701
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.478.740.579</u>	<u>527.918.972</u>

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý



Nguyễn Đức Cường

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Cường



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000026 ngày 20/06/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 số 5200213597 ngày 12/11/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty là 256.000.000.000 đồng; tương đương 25.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xi măng, vôi thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Chi tiết: xây dựng các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, hạ tầng cơ sở);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh khoáng sản: Đá, vôi, đất sét, đá đen, silic);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Buôn bán phế liệu, phế thải, kim loại, phi kim loại;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Sản xuất vật liệu xây dựng.

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Trong năm 2013 Công ty đã duy trì được sự ổn định của lò nung cũng như nhận được sự hỗ trợ bán hàng từ Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc do đó sản lượng công ty đã tăng đáng kể và doanh thu cũng tăng lên tương ứng. Tuy nhiên, số dư nợ gốc vay cao dẫn đến Công ty phải chịu khoản chi phí tài chính tương đối lớn làm giảm kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## 2.3 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



## 2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

## 2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối năm liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là 05 năm.



#### 2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa/quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## 2.16 . Các khoản thuế

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	529.558.399	49.307.390
Tiền gửi ngân hàng	3.949.182.180	478.611.582
	<b>4.478.740.579</b>	<b>527.918.972</b>

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Đá Trắng Vinaconex vay ngắn hạn	44.651.825	2.700.000.000
	<b>44.651.825</b>	<b>2.700.000.000</b>

## 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu Vũ Văn Thanh	650.000.000	650.000.000
Phải thu Công ty Điện lực Yên Bái	-	147.536.457
Phải thu Công ty Cổ phần Đá trắng Vinaconex về tiền lãi cho vay và nộp thay BHXH.	1.024.253.603	381.040.000
Phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt May Hưng Yên	-	39.600.000
Phải thu các khoản khác	410.960.981	310.685.572
	<b>2.085.214.584</b>	<b>1.528.862.029</b>

## 6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.700.000	500.677.576
Nguyên liệu, vật liệu	8.009.148.555	12.837.716.701
Công cụ, dụng cụ	11.201.608.198	10.790.239.936
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.216.137.366	294.832.240
Thành phẩm	23.893.168.240	7.211.429.549
Hàng gửi đi bán	-	98.191.638
	<b>44.321.762.359</b>	<b>31.733.087.640</b>



**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.007.836.530	285.437.090
Tạm ứng	104.672.844	122.257.400
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	431.597.007	393.264.000
	<b>1.544.106.381</b>	<b>800.958.490</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số đầu năm	447.725.655.223	619.055.035.808	38.305.047.975	1.221.870.867	1.106.307.609.873
Tăng trong năm	3.763.921.066	-	-	-	3.763.921.066
- Xây dựng cơ bản	3.763.921.066	-	-	-	3.763.921.066
Giảm trong năm	(29.953.870)	(19.700.000)	-	(214.505.033)	(264.158.903)
- Giảm theo	(29.953.870)	(19.700.000)	-	(214.505.033)	(264.158.903)
Thông tư số 45/2013/TT-BTC					
<b>Số cuối năm</b>	<b>451.459.622.419</b>	<b>619.035.335.808</b>	<b>38.305.047.975</b>	<b>1.007.365.834</b>	<b>1.109.807.372.036</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>					
Số đầu năm	79.219.494.656	190.644.926.305	14.581.329.219	937.631.435	285.383.381.615
Tăng trong năm	19.627.898.018	28.922.881.401	3.733.421.068	131.871.428	52.416.071.915
- Trích khấu hao	18.698.833.178	28.922.881.401	3.600.469.287	131.871.428	51.354.055.294
- Phân loại lại	929.064.840	-	132.951.781	-	1.062.016.621
Giảm trong năm	(5.632.623)	(1.068.487.522)	-	(201.114.277)	(1.275.234.422)
- Phân loại lại	-	(1.062.016.621)	-	-	(1.062.016.621)
- Giảm theo	(5.632.623)	(6.470.901)	-	(201.114.277)	(213.217.801)
Thông tư số 45/2013/TT-BTC					
<b>Số cuối năm</b>	<b>98.841.760.051</b>	<b>218.499.320.184</b>	<b>18.314.750.287</b>	<b>868.388.586</b>	<b>336.524.219.108</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	368.506.160.567	428.410.109.503	23.723.718.756	284.239.432	820.924.228.258
<b>Số cuối năm</b>	<b>352.617.862.368</b>	<b>400.536.015.624</b>	<b>19.990.297.688</b>	<b>138.977.248</b>	<b>773.283.152.928</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 75.372.637 VND



### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số đầu năm	7.103.437.763	58.500.000	7.161.937.763
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.103.437.763</b>	<b>58.500.000</b>	<b>7.161.937.763</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>			
Số đầu năm	1.112.502.218	34.125.000	1.146.627.218
Tăng trong năm	316.030.076	19.500.000	335.530.076
- Trích khấu hao	316.030.076	19.500.000	335.530.076
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.428.532.294</b>	<b>53.625.000</b>	<b>1.482.157.294</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.990.935.545	24.375.000	6.015.310.545
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.674.905.469</b>	<b>4.875.000</b>	<b>5.679.780.469</b>

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.853.395.159</b>	<b>4.745.980.798</b>
- Silo chứa xi măng	-	3.195.585.639
- Dây chuyền sản xuất mới	1.853.395.159	1.550.395.159
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>456.610.394</b>	<b>2.288.226</b>
- Sửa chữa đường vào nhà máy	355.272.726	-
- Chi phí sửa chữa nhà ở khu 2 tầng	-	2.288.226
- Chi phí sửa chữa sân chứa clinker	101.337.668	-
	<b>2.310.005.553</b>	<b>4.748.269.024</b>

### 11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Đá trắng Vinaconex (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá trắng Vinaconex chiếm 15,3% giá trị vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đá Trắng Vinaconex tại thời điểm 31/12/2013



**12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đá trắng Vinaconex (*)	(6.128.998.523)	(5.828.033.538)
	<b>(6.128.998.523)</b>	<b>(5.828.033.538)</b>

(\*) Theo báo cáo tài chính của công ty Cổ phần đá trắng Vinaconex tại thời điểm 31/12/2013 chỉ tiêu 410 - Nguồn vốn chủ sở hữu còn lại bằng 38,71% so với vốn thực góp của các cổ đông.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	65.558.820.387	10.705.861.077
Số tăng trong năm	14.930.440.826	66.294.049.201
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	32.498.573.484	11.441.089.891
Số dư cuối năm	<b>47.990.687.729</b>	<b>65.558.820.387</b>

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư XDCB chờ phân bổ	30.439.254.248	42.214.070.209
Chi phí quảng cáo	72.727.275	216.477.277
Chi phí bảo hiểm	89.390.131	103.929.761
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh trước năm 2013	10.165.937.200	23.021.343.140
Chi phí phải trả sửa chữa tài sản cố định năm 2013	6.900.000.000	-
Giá trị còn lại Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	66.235.906	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	257.142.969	3.000.000
	<b>47.990.687.729</b>	<b>65.558.820.387</b>



14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	154.784.268.191	175.278.223.152
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	185.958.126.856	190.499.456.482
	<b>340.742.395.047</b>	<b>365.777.679.634</b>

(\*) Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2013

Bên cho vay và số hợp đồng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối năm	Phương thức đảm bảo
NHNN&PTNT Yên Bái- HĐ LAV200900112	50.000.000.000	Thả nổi có điều chỉnh	6 tháng	49.997.183.265	Thế chấp bằng tài sản
NH BIDV Yên Bái- HĐ số 01/2013/HĐ ngày 28/10/2013	70.000.000.000	Thả nổi có điều chỉnh	6 tháng	71.199.086.584	Thế chấp bằng tài sản
Công ty Vinaconex - Viettel- HĐ số 050713/TDHM- XMYB ngày 05/07/2013	50.000.000.000	Thả nổi có điều chỉnh	9 tháng	33.287.998.342	Thế chấp bằng tài sản
Công ty khai thác đá Yên Bình- HĐ cho vay ngày 14/06/2005. Phụ lục hợp đồng số 01-20/04/2012 ngày 1/10/2012- PL HĐ số 02- 20/04/2012 ngày 1/1/2013	300.000.000	Thả nổi có điều chỉnh	3 tháng	300.000.000	Tín chấp

**154.784.268.191**



**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	8.642.926.494	3.017.649.789
Thuế thu nhập cá nhân	189.473.061	151.989.057
Thuế tài nguyên	267.680.061	1.419.284.110
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	431.205.239	356.261.732
Các loại thuế khác	925.548.698	693.440.863
Các khoản phí, lệ phí	292.460.508	961.817.467
	<b>10.749.294.061</b>	<b>6.600.443.018</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	8.573.945.975	26.804.502.313
Thuế nhà thầu phải trả tương ứng với lãi vay đã trích	121.233.258	160.046.035
Phí bảo lãnh trả Bộ Tài chính	304.686.760	433.759.183
Chi phí phải trả khác	57.205.703	80.399.994
	<b>9.057.071.696</b>	<b>27.478.707.525</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	443.486.417	210.795.393
Kinh phí công đoàn	1.061.803.930	795.709.570
Bảo hiểm xã hội	894.522.593	1.765.998.596
Bảo hiểm y tế	49.054.726	-
Bảo hiểm thất nghiệp	21.922.500	22.029.588
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	395.352.637	473.750.062
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.186.740.307	11.390.364.425
<i>Phải trả Công ty CP Xi măng Mai Sơn (vay than cám)</i>	<i>1.233.025.847</i>	<i>10.345.491.058</i>
<i>Phí bảo lãnh phải trả Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam</i>	<i>1.912.568.617</i>	<i>792.733.610</i>
<i>Phải trả BHXH tiền chậm nộp BHXH</i>	<i>-</i>	<i>118.903.000</i>
Các khoản phải trả khác	41.145.843	133.236.757
	<b>6.052.883.110</b>	<b>14.658.647.634</b>



18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	411.218.196.036	407.151.805.687
	<b>411.218.196.036</b>	<b>407.151.805.687</b>

(\*) Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối năm	Đến hạn trả trong năm tới	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng phát triển Việt Nam - HDDTD đầu tư số 01/2005/HĐTD ngày 21/07/2005- HĐ sửa đổi số 06/2013/HĐSDBS - NHPT ngày	Thả nổi có điều chỉnh	156 tháng	170.509.106.922	28.816.425.124	Đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Yên Bái- số 042/HĐKT ngày 25/08/2005 - Công ty Vinaconex- HĐ cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC- XMYB- Thỏa thuận thanh toán số 46/ VINACONEX- CHMC/XMYB ngày 20/01/2006	Thả nổi có điều chỉnh	8 năm	168.715.400.000	13.000.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Tổng Công ty Vinaconex số 02/HĐTD-VC- XMYB, ký ngày 29/09/2006	Thả nổi có điều chỉnh	10 năm	245.610.150.224	133.855.097.150	Đảm bảo bằng tài sản
Tổng Công ty Vinaconex	Thả nổi có điều chỉnh	7 năm	10.286.604.582	10.286.604.582	Tín chấp
		8 năm	2.055.061.164		Tín chấp
			<b>597.176.322.892</b>	<b>185.958.126.856</b>	



19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	256.000.000.000	(48.210.505.993)	(127.098.903.332)	80.690.590.675
Lỗ phát sinh	-	-	(75.238.304.618)	(75.238.304.618)
Giảm khác	-	48.210.505.993	-	48.210.505.993
Số dư cuối năm trước	<u>256.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(202.337.207.950)</u>	<u>53.662.792.050</u>
Số dư đầu năm nay	256.000.000.000	-	(202.480.855.131)	53.519.144.869
Lợi nhuận phát sinh	-	-	393.826.432	393.826.432
Nộp lại tiền lương năm 2012	-	-	3.900.000	3.900.000
Phải nộp do Truy thu theo biên bản thanh tra thuế năm 2013	-	-	(1.058.091.000)	(1.058.091.000)
Số dư cuối năm nay	<u>256.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(203.141.219.699)</u>	<u>52.858.780.301</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	VND	VND
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	26,00%	26,00%	66.560.000.000	66.560.000.000
Công ty CP Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	43,05%	43,05%	110.217.160.000	110.217.160.000
Công ty CP Xi măng Yên Bái	1,67%	1,67%	4.262.460.000	4.262.460.000
Công ty CP Xây dựng số 01	2,40%	2,40%	6.148.000.000	6.148.000.000
Công ty CP Xây dựng số 02	2,27%	2,27%	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty CP Xây dựng số 03	0,97%	0,97%	2.494.180.000	2.494.180.000
Các cổ đông khác	23,64%	23,64%	60.518.200.000	60.518.200.000
			<u>256.000.000.000</u>	<u>256.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	256.000.000.000	256.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	256.000.000.000	256.000.000.000



**d. Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.600.000	25.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.600.000	25.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.600.000	25.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.600.000	25.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	25.600.000	25.600.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

**20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng	614.476.089.487	487.019.305.134
Doanh thu khác	15.416.065.008	1.065.705.225
	<b>629.892.154.495</b>	<b>488.085.010.359</b>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	538.386.091	-
	<b>538.386.091</b>	<b>-</b>

**22 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	613.937.703.396	487.019.305.134
Doanh thu thuần khác	15.416.065.008	1.065.705.225
	<b>629.353.768.404</b>	<b>488.085.010.359</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	518.356.533.798	462.564.886.123
Giá vốn của hoạt động khác	13.352.026.485	-
	<b>531.708.560.283</b>	<b>462.564.886.123</b>



**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	336.033.288	444.602.897
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	893.727.481	563.500.120
	<b>1.229.760.769</b>	<b>1.008.103.017</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	68.231.579.509	82.974.667.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.393.385.176	117.637.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	11.774.815.961	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	300.964.985	2.566.524.481
Chi phí tài chính khác	1.475.776.717	1.927.348.113
	<b>86.176.522.348</b>	<b>93.586.178.352</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.165.640.771	-
Thu nhập khác	16.391.420	2.412.454.517
	<b>1.182.032.191</b>	<b>2.412.454.517</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp	569.873.867	170.900.444
Lãi chậm trả tiền vay than	679.980.003	-
Chi phí khác	57.744.402	58.562.000
	<b>1.307.598.272</b>	<b>229.462.444</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm hiện hành	393.826.432	(75.238.304.618)
Chuyển lỗ từ các năm trước vào thu nhập tính thuế năm nay	(202.337.207.960)	(127.098.903.342)
Các khoản chi phí không được trừ		
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(201.943.381.528)	(202.337.207.960)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-



## 29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	393.826.432	(75.238.304.618)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	393.826.432	(75.238.304.618)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.600.000	25.600.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.600.000	25.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>(2.939)</b>

## 30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.478.740.579		527.918.972	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.384.443.764	-	58.884.365.499	-
Các khoản cho vay ngắn hạn	44.651.825	-	2.700.000.000	-
Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	(6.128.998.523)	10.000.000.000	(5.828.033.538)
	<b>95.907.836.168</b>	<b>(6.128.998.523)</b>	<b>72.112.284.471</b>	<b>(5.828.033.538)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay và nợ	751.960.591.083	772.929.485.321
Phải trả người bán, phải trả khác	143.212.501.394	135.267.368.158
Chi phí phải trả	9.057.071.696	27.478.707.525
	<b>904.230.164.173</b>	<b>935.675.561.004</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.478.740.579			4.478.740.579
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.384.443.764	-		81.384.443.764
Các khoản cho vay	44.651.825			44.651.825
Các khoản đầu tư tài chính	-	3.871.001.477		3.871.001.477
	<b>85.907.836.168</b>	<b>3.871.001.477</b>	<b>-</b>	<b>89.778.837.645</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.918.972			527.918.972
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.884.365.499	-		58.884.365.499
Các khoản cho vay	2.700.000.000			2.700.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.171.966.462		4.171.966.462
	<b>62.112.284.471</b>	<b>4.171.966.462</b>	<b>-</b>	<b>66.284.250.933</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	340.742.395.047	-	411.218.196.036	751.960.591.083
Phải trả người bán, phải trả khác	143.212.501.394	-		143.212.501.394
Chi phí phải trả	9.057.071.696			9.057.071.696
	<b>493.011.968.137</b>	<b>-</b>	<b>411.218.196.036</b>	<b>904.230.164.173</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	365.777.679.634	-	407.151.805.687	772.929.485.321
Phải trả người bán, phải trả khác	135.267.368.158	-		135.267.368.158
Chi phí phải trả	27.478.707.525			27.478.707.525
	<b>528.523.755.317</b>	<b>-</b>	<b>407.151.805.687</b>	<b>935.675.561.004</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm 2013	Năm 2012
Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Doanh thu bán hàng	513.615.840.014	472.816.022.191
		Mua vật tư trong năm	116.361.524.451	47.325.951.111
Công ty CP Đá Trắng Vinaconex	Công ty liên kết	Bán đá vôi trắng trong năm	3.319.600.146	1.908.440.892
		Lãi cho vay ngắn hạn	321.732.387	346.400.000
		Lãi cho vay và bảo hiểm	321.481.216	2.700.000.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo lãnh bộ Tài chính	1.119.835.007	792.733.610
		Lãi vay phải trả	9.871.578.910	3.935.374.631
		Vay ngắn hạn	104.876.952	



Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư (VND)	
			31/12/2013	01/01/2013
Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Phải thu tiền bán sản phẩm	30.180.869.991	10.869.294.496
		Phải trả tiền mua vật tư	(58.017.505.464)	(16.304.140.997)
Công ty CP Đá Trắng Vinaconex	Công ty liên kết	Phải thu tiền mua sản phẩm	6.330.372.751	2.678.812.591
		Phải thu lãi cho vay và bảo hiểm	1.024.253.603	381.040.000
		Phải thu tiền cho vay	44.651.825	2.700.000.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	Ứng trước tiền mua cổ phần	9.191.532.326	5.128.404.584
		Phải trả các khoản vay	(257.951.815.970)	(261.143.180.371)
		Phải trả phí bảo lãnh	(1.912.568.617)	(792.733.610)
		Các khoản phải trả khác	(384.372.539)	(384.372.539)
		Phải trả nợ dài hạn khác	(2.055.061.164)	(2.055.061.164)

### 33. THÔNG TIN VỀ GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2013, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 369.057.651.819 đồng (tại thời điểm 31/12/2012 là 440.747.644.120 đồng). Khoản lỗ lũy kế là 203.141.219.699 đồng bằng 80% vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty vẫn được tiếp tục trong tương lai do có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, cũng như tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tài chính, về thị trường tiêu thụ từ các tổ chức tín dụng và của các cổ đông. Do vậy, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

### 34. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

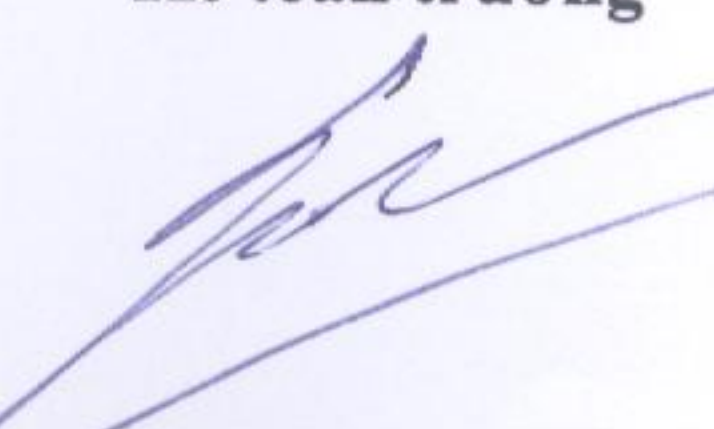
### 35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 72A/2011/HĐMBCP - PC và Phụ lục hợp đồng số 0192A/2012/HĐMBCP - PC ngày 05/03/2012 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) về việc Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình mua lại 4.004.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đá Trắng Vinaconex (thuộc sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) với giá 48,048 tỷ đồng tương đương 61,6% vốn của Công ty Cổ phần Đá Trắng Vinaconex thì thời hạn cuối cùng Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình phải thanh toán nghĩa vụ nợ là tháng 03/2013. Đến thời điểm 31/12/2013 các bên chưa hoàn tất thủ tục mua bán cổ phần này nên chưa phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần mua bán ở trên, số tiền Công ty đã thanh toán cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam là 9,191 tỷ đồng

Người lập

  
Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đức Cường

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2014  
Giám đốc  
  
Nguyễn Văn Cương

